TÒA ÁN NHÂN NHÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: **12**/2018/DS-PT
Ngày: 08 - 01 - 2018
V/v tranh chấp: "Hợp đồng hợp tác".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thu Thúy**

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Kim Em**;

Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Hoàng Phương** -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông **Võ Trung Hiếu** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 02 và 08 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2017/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp "hợp đồng hợp tác".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 220/2017/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 422/2017/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Hồng T**, sinh năm 1980.

Trú tại: Ấp T, xã V, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Dương Mỹ L**, sinh năm 1988; (có mặt)

Trú tại: Số 28, ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Văn bản ủy quyền ngày 03/10/2017)

2. Bị đơn:

2.1 Chị **Lê Thị Tuyết H**, sinh năm 1976;

2.2 Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1981;

Cùng trú tại: Ấp T, xã V, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Hồ Thị N**, sinh năm 1976; (có mặt)

Trú tại: Số 302B, đường N, phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Văn bản ủy quyền ngày 21/8/2017)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **Lâm Ngọc P**, sinh năm 1980; (xin vắng mặt)

Trú tại: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn **Nguyễn Hồng T**; Bị đơn **Lê Thị Tuyết H**, **Nguyễn Văn T**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Nguyên đơn anh Nguyễn Hồng T do chị Dương Mỹ L làm đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Vào khoảng tháng 7/2016 Al, nguyên đơn (anh Nguyễn Hồng T) và bị đơn (gồm: chị Lê Thị Tuyết H, anh Nguyễn Văn T) có thỏa thuận mỗi bên hùn vốn 90.000.000 đồng để mua chiếc ghe biển số LA-01655 của anh Lâm Ngọc P trị giá 180.000.000 đồng, mục đích sử dụng là bị đơn sẽ trực tiếp chở lúa thuê cho nhà máy của nguyên đơn. Khi lúa về đến nhà máy thì trừ chi phí, lợi nhuận chia đôi, cụ thể là nguyên đơn sẽ trả cho bị đơn ½ lợi nhuận. Chiếc ghe hoạt động được 01 chuyến, lợi nhuận mỗi bên là 4.500.000 đồng. Sau đó, nguyên đơn yêu cầu phải chở người của nguyên đơn theo để giám sát ghe và chở lúa nhưng bị đơn không đồng ý, gây khó khăn trong việc sử dụng khai thác chung chiếc ghe. Khi đó, nguyên đơn có nói nếu không cho người của nguyên đơn đi theo giám sát thì bên bị đơn không được sử dụng riêng và chờ Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền hùn vốn 90.000.000 đồng và trả lãi suất 0,75%/ tháng của số tiền này tính từ ngày 21/8/2016 thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực là 8.775.000 đồng, đồng ý cho bị đơn được quyền sở hữu chiếc ghe biển số LA-01655.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn vì nguyên đơn chỉ yêu cầu lấy lại tiền, không tranh chấp giá trị chiếc ghe và không gây thiệt hại nên không đồng ý bồi thường, không đồng ý trả tiền công giữ ghe do nguyên đơn có yêu cầu bị đơn giao ghe cho nguyên đơn quản lý nhưng bị đơn không giao. Nguyên đơn có bỏ ra chi phí sửa ghe là 19.450.000 đồng.

** Bị đơn chị Lê Thị Tuyết H và anh Nguyễn Văn T do chị Hồ Thị N làm đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bị đơn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian và giá mua chiếc ghe của anh P và mục đích sử dụng ghe. Bị đơn đã bỏ ra chi phí tu bổ ghe là 26.000.000 đồng và các bên thống nhất sau này ghe chạy có lãi sẽ trừ vào tiền sửa ghe. Ghe hoạt động được 01 chuyến, lợi nhuận mỗi bên nhận được 4.500.000 đồng thì ngưng hoạt động do lỗi của nguyên đơn. Bởi ban đầu hai bên không có thỏa thuận người giám sát theo ghe là người của bên nguyên đơn. Bị đơn tự chịu trách nhiệm về số lượng lúa và chất lượng lúa, không cần người đi theo giám sát vì ghe nhỏ nên việc người của bên nguyên đơn đi theo làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của bị đơn. Khi đó, nguyên đơn có nói nếu không cho người của nguyên đơn đi theo giám sát thì bên bị đơn không được sử dụng riêng và chờ Tòa án giải quyết.

Do nguyên đơn không cho ghe chở lúa đến nhà máy của nguyên đơn là vi phạm hợp đồng, không cho sử dụng ghe mà phải đậu ghe tại bến của bị đơn nên dẫn đến

các thiệt hại: Trung bình mỗi tháng ghe chạy 06 chuyến, mỗi tháng lợi nhuận khoảng 30.000.000 đồng, chia đôi thì mỗi bên thu nhập là 15.000.000 đồng/ tháng, tính đến nay là 13 tháng thì thiệt hại của bên bị đơn là 195.000.000 đồng; tiền công giữ ghe trung bình mỗi tháng 3.000.000 đồng x 13 tháng là 39.000.000 đồng.

Bị đơn đồng ý sở hữu chiếc ghe và trả cho nguyên đơn 90.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi cho nguyên đơn.

Phía bị đơn có yêu cầu phản tố, yêu cầu nguyên đơn phải trả cho bị đơn số tiền 260.000.000 đồng của chi phí sửa ghe, thu nhập bị mất do ghe không hoạt động và tiền công giữ ghe, yêu cầu trừ vào số tiền phải trả cho nguyên đơn; tự nguyện rút yêu cầu phản tố đối với việc yêu cầu nguyên đơn trả lại số tiền hùn vốn mua ghe còn nợ là 50.000.000 đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Ngọc P trình bày:*

Vào ngày 21/6/2016, anh có bán cho bị đơn chiếc ghe biển số LA-01655 với số tiền 180.000.000 đồng, anh đã nhận đủ tiền và không tranh chấp, khiếu nại gì về sau. Anh xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Bản án sơ thẩm số 220/2017/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hồng T.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Tuyết H

1. Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Tuyết H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Hồng T số tiền 70.500.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Anh Nguyễn Văn T với chị Lê Thị Tuyết H được quyền tiếp tục sở hữu 01 ghe tải biển số LA01655 tải trọng toàn phần 68,85 tấn, 01 máy YANMAR 4CHK-DT-00479, 130CV được Sở giao thông vận tải Long An cấp ngày 24/11/2015 cho anh Lâm Ngọc P và anh chị được quyền đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp quyền sở hữu ghe theo quy định.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Tuyết H về yêu cầu anh Nguyễn Hồng T trả số tiền hùn vốn mua ghe còn thiếu là 50.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định pháp luật.

Ngày 03 tháng 10 năm 2017, nguyên đơn Nguyễn Hồng T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu tính lãi suất 0,75%/ tháng đối với số tiền 90.000.000 đồng tính từ ngày 21/8/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm; Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc anh giao trả 19.500.000 đồng tiền công giữ ghe.

Ngày 11 tháng 10 năm 2017, bị đơn Nguyễn Văn T và Lê Thị Tuyết H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa hôm nay chị L đại diện do nguyên đơn ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không đồng ý với đơn kháng cáo của bị đơn; Chị N đại diện do bị đơn ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không đồng ý với đơn kháng cáo của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng qui định pháp luật, Kiểm sát viên không kiến nghị gì. Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện GCT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Tuyết H, anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Hồng T, nghe đương sự trình bày thêm tại phiên tòa phúc thẩm, qua tranh luận và ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu tính lãi suất 0,75%/ tháng đối với số tiền 90.000.000 đồng tính từ ngày 21/8/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm; Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc anh giao trả 19.500.000 đồng tiền công giữ ghe; Bị đơn Nguyễn Văn T và Lê Thị Tuyết H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn phải trả số tiền sửa ghe là 26.000.000 đồng; Tiền mất thu nhập do ghe không hoạt động là 195.000.000 đồng; Tiền trông giữ ghe là 19.500.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự tại phiên tòa thể hiện hợp đồng hợp tác cùng góp tiền mua, sử dụng, hưởng lợi và chịu trách nhiệm đối với chiếc ghe biển số LA01655 giữa anh Nguyễn Hồng T, anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Tuyết H là thực tế có xảy ra do các bên đương sự đều đã thừa nhận. Theo giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa và giấy xác nhận của ông Lâm Ngọc P thì chiếc ghe tải biển số LA01655, tải trọng toàn phần 68,85 tấn, 01 máy YANMAR 4CHK-DT-00479, 130CV được Sở giao thông vận tải tại Long An cấp ngày 24/11/2015 cho ông Lâm Ngọc P và hiện ông P đã bán cho anh T, chị H với số tiền là 180.000.000 đồng, trong đó anh Nguyễn Hồng T có hùn số tiền là 90.000.000 đồng. Từ đó xác định chiếc ghe trên là tài sản thuộc sở hữu chung của nguyên đơn anh Nguyễn Hồng T và bị đơn anh Nguyễn Văn T, chị Lê Thị Tuyết H.

Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn trả số tiền lãi trên số tiền góp vốn là 90.000.000 đồng và không đồng ý trả lại cho phía bị đơn số tiền 19.500.000 đồng công giữ ghe. Xét thấy do đây là hợp đồng hợp tác cùng góp tiền mua ghe sử dụng chuyên chở thuê và số tiền lợi nhuận sẽ chia đôi, các bên không có thỏa thuận về việc tính lãi khi ghe không hoạt động. Do đó khi ghe

ngưng hoạt động không có lợi nhuận thì các bên không được hưởng, nên yêu cầu đòi tiền lãi của nguyên đơn là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với số tiền công giữ ghe thì thấy rằng do ghe không hoạt động, nên bị đơn là anh Nguyễn Văn T phải trông giữ ghe, bị đơn có kéo dây điện dùng máy bơm nước ra khỏi ghe khi trời mưa, bảo quản chiếc ghe không bị hư hỏng và mất cắp, qua thẩm định xác định giá trị ghe cũng không thay đổi. Do đó anh Nguyễn Hồng T là người không trông giữ ghe phải trả lại ½ số tiền trông giữ ghe cho anh Nguyễn Văn T, chị Lê Thị Tuyết H là phù hợp. Từ các cở sở nhận định trên yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Hồng T không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét đơn kháng cáo của bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải trả số tiền sửa ghe là 26.000.000 đồng; Tiền mất thu nhập do ghe không hoạt động là 195.000.000 đồng; Tiền trông giữ ghe là 19.500.000 đồng. Căn cứ biên bản định giá ngày 11/7/2017 thì giá trị thực tế chiếc ghe trên là 206.000.000 đồng, trong đó tính luôn phần chi phí sửa chữa là 26.000.000 đồng. Chiếc ghe là tài sản chung bị đơn sở hữu chiếc ghe và trả lại cho nguyên đơn số tiền 90.000.000 đồng, như vậy số tiền bị đơn sửa chữa ghe thì bị đơn đang hưởng khi là người sở hữu chiếc ghe trên, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu đòi số tiền sửa chữa ghe của phía bị đơn. Đối với số tiền trông giữ ghe thì như đã nhận định ở phần trên mỗi bên đương sự phải chịu ½ chi phí trông giữ ghe, tổng số tiền trông giữ ghe là 39.000.000 đồng, phía bị đơn là người trực tiếp trông giữ ghe thì phía nguyên đơn phải trả lại số tiền 19.500.000 đồng là phù hợp chứ không thể buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí trông giữ ghe được. Đối với yêu cầu của bị đơn số tiền mất thu nhập do ghe không hoạt động là 195.000.000 đồng, thấy rằng chiếc ghe là tài sản thuộc sở hữu chung, thì hai bên đều có quyền ngang nhau trong việc khai thác lợi nhuận từ chiếc ghe này, phía nguyên đơn yêu cầu được đưa người của mình theo ghe để cùng giám sát hoạt động của chiếc ghe cùng phía bị đơn, nhưng không được phía bị đơn đồng ý, từ đó nguyên đơn không cho bị đơn sử dụng khai thác lợi nhuận từ chiếc ghe, cho thấy cả hai bên đều có lỗi dẫn đến chiếc ghe không thể hoạt động và không phát sinh lợi nhuận khai thác từ chiếc ghe, từ đó thiệt hại phát sinh thì các bên tự gánh chịu. Do đó không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường tiền mất thu nhập của bị đơn số tiền 195.000.000 đồng.

Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Hồng T, anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Tuyết H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện GCT.

Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 307, 308, 412, 424 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Hồng T, anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Tuyết H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 220/2017/DS- ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hồng T.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Tuyết H

1. Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Tuyết H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Hồng T số tiền 70.500.000 đồng (*bảy mươi triệu năm trăm ngàn đồng*) thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Anh Nguyễn Văn T với chị Lê Thị Tuyết H được quyền tiếp tục sở hữu 01 ghe tải biển số LA01655 tải trọng toàn phần 68,85 tấn, 01 máy YANMAR 4CHK-DT-00479, 130CV được Sở giao thông vận tải Long An cấp ngày 24/11/2015 cho anh Lâm Ngọc P và anh chị được quyền đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp quyền sở hữu ghe theo quy định.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Tuyết H về việc yêu cầu anh Nguyễn Hồng T trả số tiền hùn vốn mua ghe còn thiếu là 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Anh Nguyễn Hồng T phải chịu 1.413.750 đồng (*một triệu bốn trăm mười ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.850.000 đồng (*hai triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng*) theo các biên lai số 38597 ngày 04/5/2017, số 38800 ngày 30/8/2017, số 38897 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GCT, nên anh Hồng T còn được hoàn lại số tiền là 1.136.250 đồng (*một triệu một trăm ba mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng*).

Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Tuyết H phải chịu 16.525.000 đồng (*mười sáu triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 đồng (*sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*) theo biên lai số 38690 ngày 12/6/2017 và số 38928 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GCT, tỉnh Tiền Giang, nên phải nộp tiếp số tiền là 10.575.000 đồng (*mười triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*).

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ ngày 08 tháng 01 năm 2018, có mặt chị L.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện GCT;
- CCTHADS huyện GCT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Thu Thúy